TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1943; *Có mặt tại phiên tòa*.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1962; *Có mặt tại phiên tòa.*

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn L, xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Bùi Thị K, sinh năm 1962 vào ngày 04 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn. Sau ngày cưới bà Khanh về ngay gia đình ông chung sống. Quá trình chung sống đến đầu năm 2018 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà K đã về gia đình con trai Nguyễn Quang H ở thôn L, xã T, thị xã Kinh Môn sống ly thân với ông từ tháng 4/2018 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà Bùi Thị K.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn- bà Bùi Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà cũng xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông G khai. Quá trình chung sống vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, trong cuộc sống do áp lực từ phía con riêng của ông G nên đến tháng 4/2018 bà đã về gia đình con trai Nguyễn Quang H, sinh năm 1985 ở thôn L, xã T, thị xã Kinh Môn sinh sống đến nay. Nay ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà xác định vẫn còn tình cảm nên không muốn ly hôn. Trường hợp mà ông G cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- Quan hệ về con chung: Bà và ông G không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan hệ về tài sản chung, công sức đóng góp: Bà K xác định trong thời gian sống chung cùng ông G bà đã xây dựng, kiến thiết thêm sân bê tông rộng 100m^2; trả một số khoản nợ riêng của ông G và vợ cũ; công sức trong việc chăm sóc ông G, nuôi dạy con riêng của ông G. Do đó, trường hợp ông G cương quyết ly hôn thì bà yêu cầu ông G phải có trách nhiệm thanh toán trả bà số tiền 700.000.000đ.

Ngày 01/12/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đã giao cho bà Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà xác định nguyên đơn là ông G, các tài sản đang do ông G quản lý, bà không có tiền nên bà không nộp tiền tạm ứng án phí.

Theo lời khai người làm chứng - chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị có quan hệ là con ruột của ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị K là mẹ kế của chị. Chị xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của hai ông bà là do bà K có quan hệ ngoài hôn nhân, không chung thủy với ông G. Sự việc diễn ra nhiều lần và được người dân cùng làng phản ánh nên các chị em của chị đã đến Nhà nghỉ bắt quả tang việc bà K có quan hệ ngoại tình. Hiện chị còn lưu giữ clip sự việc. Trường hợp có yêu cầu thì chị sẽ cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án miễn án phí; bà Bùi Thị K không đồng ý ly hôn và yêu cầu ông G phải thanh toán trả bà tổng số tiền là 700.000.000đ là tài sản chung và công sức đóng góp của bà cho gia đình ông G trong thời gian vợ chồng chung sống.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G. Xử cho ông Nguyễn Văn G ly hôn bà Bùi Thị K; về quan hệ tài sản chung: Bà K có yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không xem xét, giải quyết; về án phí: Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-bà Bùi Thị K có địa chỉ: Thôn L, xã T, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung. Xét yêu cầu của bà K thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí và bà K không thuộc trường được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và giải thích rõ quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền. Do vậy, Tòa án không tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu của bà K. Bà K có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong vụ án khác.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị K kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình ông Nguyễn Văn G thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau khi mâu thuẫn bà K đã về gia đình con trai tại xã T, thị xã Kinh Môn sống ly thân ông G từ tháng 4/2018 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà K. Quá trình làm việc tại Tòa án bà Bùi Thị K xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, ông G nghe lời các con nên đã làm thủ tục ly hôn bà, bà xác định vẫn còn yêu thương ông G nên không đồng ý ly hôn.

Tại lời khai, người làm chứng-chị Nguyễn Thị H xác định: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa ông G và bà K là do bà K thường xuyên có quan hệ ngoài hôn nhân, không chung thủy với ông G nên ông G và chị em chị không chấp nhận bà K.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2020, chính quyền địa phương xã H, thị xã Kinh Môn cung cấp: Ông Nguyễn Văn G và bà Bùi Thị K kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 04/01/2010. Sau ngày cưới bà K về gia

đình ông G chung sống tại thôn A, xã H, thị xã Kinh Môn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, bà K có những biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh. Ông G, bà K đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 đến nay. Quan điểm của địa phương xác định tình trạng hôn nhân giữa ông G, bà K đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông G, bà K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông G được ly hôn bà K.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không đề nghị miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G. Xử cho ông Nguyễn Văn G ly hôn bà Bùi Thị K.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông Giá đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2018/0003933 ngày 07/10/2020. Ông Nguyễn Văn G đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã H, thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huấn